

GDP xanh: xu hướng tiếp cận mới trong mối quan hệ tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững hiện nay

PHẠM THÀNH CÔNG

Từ trước tới nay, GDP là chỉ tiêu kinh tế thông dụng- một chỉ số chuẩn để đánh giá trình độ phát triển của một nền kinh tế. GDP thuần túy chỉ là tổng sản phẩm quốc gia, tức là tổng số lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong một thời kỳ. Chỉ số này thường không xem xét được quá trình sản xuất này có ích hay không, không đánh giá được tính bền vững hay không bền vững. Hiện nay có nhiều chỉ số thay thế GDP được sử dụng như Chỉ số phúc lợi kinh tế bền vững (ISEW) áp dụng ở Bỉ, Chile, Đức, Ý...; chỉ số phát triển đích thực (GPI) ở Úc và GDP xanh ở Mỹ và Trung Quốc. Ở các nước này, người ta quan niệm chỉ số GDP xanh như là một thước đo cho sự phát triển bền vững. Trong đó, chi phí của hoạt động kinh tế phải bao gồm cả các chi phí tiềm tàng như chi phí suy thoái tài nguyên; chi phí do tội phạm; chi phí do suy thoái tầng ozon; chi phí do ô nhiễm không khí, tiếng ồn...

1. Khái niệm GDP xanh

GDP xanh (hạch toán xanh) là một chỉ số nhằm đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế bằng việc khấu trừ chi phí về môi trường kinh tế: $GDP\text{ xanh} = GDP - \text{chi phí tiêu dùng tài nguyên và mất mát về môi trường do các hoạt động kinh tế}$.

GDP xanh nhằm để tính toán chi phí thiệt hại môi trường với tiêu thụ và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên tác động đến GDP thuần. Điều này đã tạo điều kiện cho GDP được tính trên cả ba mặt: kinh tế, xã hội và môi trường.

Để tính GDP xanh, người ta dựa vào tính toán của Liên hợp quốc theo cách hạch toán môi trường (SEEA) (The system of integrated environmental and economic accounting) vào năm 1993 và được cải tiến nhiều lần, gần đây nhất là SEEA 2003. Hệ thống này được coi là một hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) mới vì đã đưa yếu tố môi trường vào trong SNA, nó đã mở rộng và bổ sung các tài khoản nguồn lực tự nhiên theo luồng và khối với các tài khoản sản

xuất và tài sản. Hạch toán gộp môi trường vào các tài khoản kinh tế được biểu thị dưới nhiều hình thức khác nhau:

(1) Đẳng thức về nguồn sử dụng:

$$0 + M = IC + C + CF + X$$

Với 0: hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra.

M: nhập khẩu.

IC: tiêu dùng trung gian.

C: tiêu dùng cuối cùng.

CF: tổng tích lũy tài sản.

X: xuất khẩu.

(2) Đẳng thức về giá trị gia tăng có tính đến yếu tố môi trường đối với một ngành kinh tế:

$$EVA_i = 0_i - IC_i - CC_i - EC_i = NVA_i - EC_i$$

Với EVA_i : giá trị gia tăng thuần có yếu tố môi trường ngành i .

0_i : giá trị sản xuất vật chất, dịch vụ ngành i sản xuất ra.

Phạm Thành Công, ThS, Viện Kinh tế Việt Nam.

IC_i : chi phí tiêu dùng trung gian ngành i .

CC_i : tiêu dùng tài sản cố định ngành i .

EC_i : chi phí do tổn thất và xuống cấp môi trường do ngành i gây ra.

NVA_i : giá trị gia tăng thuần của ngành i .

(3) Đẳng thức về sản phẩm trong nước có tính đến môi trường cho toàn nền kinh tế:

$$EDP = \text{Tổng } EVA_i \quad EC_h = NDP - EC = C + CF - CC \quad EC + X - M$$

Với EDP: tổng thu nhập quốc dân thực tế có yếu tố môi trường (GDP xanh).

EVA_i : tổng giá trị gia tăng có yếu tố môi trường của ngành i .

EC_h : chi phí xử lý ô nhiễm môi trường do tiêu dùng hộ gia đình cuối cùng gây ra.

CF: tích lũy vốn.

CC: tiêu dùng vốn.

Vậy hạch toán GDP xanh trong SEEA có khác gì so với hạch toán GDP trong SNA?

GDP trong SNA thì chỉ tính toán đến các yếu tố trong sản xuất và tiêu dùng, trong đó không thể hiện được chi phí môi trường và phản ánh sự xuống cấp của hệ thống tài nguyên thiên nhiên do hoạt động kinh tế và đời sống của con người gây ra.

GDP trong SEEA thì vẫn dựa trên GDP trong SNA nhưng có khấu hao tài sản cố định và có tính đến tài sản môi trường được thể hiện dưới dạng hiện vật và giá trị, quá trình đưa tài sản đó vào trong sản xuất, tiêu dùng hộ gia đình...

Như vậy hệ thống này đã bổ sung được yếu tố môi trường vào tài khoản kinh tế, đó là: i) sự tiêu hao môi trường do hoạt động kinh tế gây ra; ii) chi phí môi trường do hoạt động của hộ gia đình và các ngành kinh tế đã chi trả để sử dụng các tài sản môi trường trong quá trình sản xuất, làm cho các tài sản đó bị xuống cấp.

Tuy đã đưa yếu tố môi trường vào trong hoạt động kinh tế, nhưng để tính toán nó ra sao thì không đơn giản. Liên hợp quốc đã

đưa ra ba phương pháp định giá môi trường trong hệ thống SEEA

1.1. Định giá nguồn tài nguyên thiên nhiên theo giá thị trường

Phương pháp định giá nguồn tài nguyên theo giá thị trường được sử dụng để tính mức khấu hao tài nguyên. Qua đó có thể tính được những thay đổi về giá trị của nguồn tài nguyên đã được ghi trong mục "sự thay đổi về lượng khác" trong tài khoản tài sản của SNA. Sự thay đổi này bao gồm: khấu hao tài nguyên; sự cạn kiệt nguồn tài nguyên do khai thác và sự xuống cấp chất lượng tài nguyên do ô nhiễm môi trường gây ra (được tính bằng giá thị trường của trữ lượng tài nguyên đó).

Trên thực tế, có thể sử dụng giá thị trường để xác định giá trị của nguồn tài nguyên. Trong trường hợp như vậy, có thể áp dụng một số phương pháp tính sau:

Tính giá trị hiện tại thuần (net present value - NPV) của trữ lượng tài nguyên: bằng (=) giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ (dự kiến) mà nguồn tài nguyên có thể cung cấp, trừ (-) chi phí (dự kiến) phải bỏ ra để khai thác nguồn tài nguyên sẽ được phân thu hồi tịnh, rồi từ đó chuyển thành giá hiện tại bằng cách sử dụng tỷ lệ chiết khấu. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này là khó, vì nếu như tài nguyên này do nhiều ngành kinh tế khác nhau đồng thời cùng khai thác sử dụng, mà để có được thông tin chi tiết như vậy là rất phức tạp.

Tính giá tịnh (net price) của tài nguyên: phương pháp này bỏ qua sự giảm sút giá trị của tài nguyên do bị xuống cấp theo thời gian. Đơn giá tịnh của một đơn vị tài nguyên được tính bằng giá thị trường thực tế của nó trừ (-) chi phí khai thác một đơn vị tài nguyên. Giá trị của nguồn tài nguyên sau đó được tính bằng khối lượng của nguồn tài nguyên nhân (x) với đơn giá một đơn vị tài nguyên.

Xác định tương đối giá trị xuống cấp, cạn kiệt nguồn tài nguyên, được tính đơn giản bằng hiệu giá trị của trữ lượng tài

nguyên (theo cách tính trình bày ở trên) vào đầu kỳ trừ (-) giá trị trữ lượng tài nguyên vào cuối kỳ xem xét. Ngoài ra, có thể thay thế cách tính này qua cách tính tổng thu nhập nhận được từ việc khai thác nguồn tài nguyên trong thời kỳ xem xét.

1.2. Định giá việc bảo vệ, phục hồi tài sản môi trường

Phương pháp tính giá trị tài nguyên môi trường bằng giá trị thị trường nêu trên chỉ được áp dụng đối với những loại tài nguyên có thể tính được giá trị kinh tế của nó. Nói cách khác, nó chỉ được áp dụng đối với những loại tài nguyên có thể giao dịch được trên thị trường (như các loại khoáng sản, một số loại đất đai, v.v...), trong khi đó đối với một số loại tài nguyên khác (như: nước, không khí, đất hoang, đa dạng sinh học, v.v...) thì không thể áp dụng cách tính trực tiếp giá trị của chúng theo giá thị trường, vì những tài nguyên này ít được đem ra thị trường mua bán. Để tính được sự thay đổi về giá trị của những loại tài nguyên môi trường này, người ta có thể sử dụng cách tính chi phí để duy trì, bảo toàn nguồn tài nguyên thay thế cho cách tính dựa vào giá thị trường nói trên.

Chi phí để bảo vệ, phục hồi tài nguyên môi trường là chi phí lẽ ra phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định để tránh sự xuống cấp hay tránh những tác động tiêu cực có thể xảy ra cho môi trường do hoạt động kinh tế gây ra. Giá trị tổn thất về môi trường do các hoạt động kinh tế gây ra, nó không chỉ xảy ra trong hiện tại (trong thời kỳ xem xét), mà còn có khả năng ảnh hưởng đến tương lai. Nói cách khác, đây là tổng thể của những tổn thất về khả năng cung ứng của môi trường do các hoạt động kinh tế hiện tại có thể gây ra (vào thời điểm hiện tại hay trong tương lai). Với cách tiếp cận như vậy thì giá trị kinh tế của những tổn thất môi trường đã xảy ra trong giai đoạn hiện tại mới chỉ phản ánh một phần các tác động của môi trường đến

đời sống kinh tế xã hội trong hiện tại mà chưa phản ánh khả năng ảnh hưởng đến tương lai.

Trong trường hợp các hoạt động kinh tế không gây tác động xấu tới chất lượng môi trường thì chi phí duy tu, bảo toàn chất lượng môi trường được coi như bằng 0. Ví dụ như: tốc độ khai thác rừng và nguồn hải sản bằng hoặc nhỏ hơn tốc độ tái tạo tự nhiên của các loại tài nguyên đó; hay nguồn nước tự nhiên đủ thoả mãn nhu cầu của hoạt động kinh tế, sinh hoạt mà không làm xấu đi chất lượng nước; v.v....

1.3. Định giá dịch vụ môi trường theo phương pháp ngẫu nhiên

Định giá dịch vụ môi trường theo phương pháp ngẫu nhiên liên quan tới việc đưa ra các tình huống giả định để hỏi một nhóm đối tượng có liên quan xem họ sẵn sàng chi trả bao nhiêu tiền để được hưởng thụ một loại dịch vụ môi trường nào đó. Phương pháp này được thực hiện dưới dạng các cuộc phỏng vấn trực tiếp các đối tượng có liên quan hay trả lời của họ qua các phiếu hỏi. Tuy nhiên phương pháp ngẫu nhiên rất khó đo được một cách chính xác giá trị thực của dịch vụ môi trường cũng như về mức độ tổn hại (theo giá trị) đối với môi trường. Đặc biệt, rất khó có thể đảm bảo độ chính xác của phương pháp khi được sử dụng để xác định giá trị của các tổn hại môi trường có thể xảy ra trong tương lai. Trên thực tế, việc áp dụng các phương pháp nêu trên để xác định giá trị tài nguyên và mức độ tổn hại của môi trường do các hoạt động kinh tế xã hội gây ra là không hề đơn giản, giá trị các sản phẩm và lao động có thể xác định được khi đưa ra thị trường và giá trị của chúng được phản ánh qua giá thị trường, vậy còn yếu tố môi trường thì sẽ phản ánh như thế nào khi nó không đưa vào thị trường. Do vậy theo một số chuyên gia kinh tế đã khuyến nghị nên thay chi phí tiêu dùng tài nguyên và mất mát về môi trường do các hoạt động kinh tế bằng chi phí của những hoạt động chống ô nhiễm.

2. Kinh nghiệm của một số nước khi xây dựng chỉ số GDP xanh

2.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Từ khi thực hiện chính sách mở cửa vào năm 1970 và trở thành thành viên WTO vào năm 2001, Trung Quốc đã trở thành nước có tốc độ phát triển nhanh, với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 9%/năm, trong một thời gian dài Chính phủ Trung Quốc quan niệm rằng tăng trưởng đồng nghĩa với phát triển và mang lại nguồn lực cần thiết cho xã hội, kinh tế và môi trường. Việc theo đuổi mục tiêu tăng trưởng GDP cao trong một thời gian dài đã tạo ra nhiều bất ổn và mâu thuẫn xã hội cũng như môi trường. Theo tính toán của Ủy ban Bảo vệ môi trường quốc gia (SEPA) thì khoảng 18% tăng trưởng GDP có được từ việc khai thác quá mức các tài nguyên. Theo kết quả nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, hàng năm ở Trung Quốc có khoảng 460.000 người chết sớm do ô nhiễm không khí và nước và có khoảng 300.000 người nữa chết sớm do những độc tố bên trong nhà ở (Reuters 2007 Trung Quốc yêu cầu Worldbank không công bố số liệu về người Trung Quốc chết sớm mỗi năm do ô nhiễm không khí và nước). Từ những hậu quả đó thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban Môi trường quốc gia và Tổng cục Thống kê phối hợp thực hiện thí điểm việc tính GDP xanh ở 10 tỉnh/thành. Tháng 3 2006 Trung Quốc chính thức sử dụng chỉ số tiêu thụ năng lượng trên GDP như một trong những chỉ số đánh giá phát triển ở cấp vĩ mô. Việc tiến hành tính toán GDP xanh ở 10 tỉnh thành cho thấy quyết tâm của Trung Quốc trong việc theo đuổi mục tiêu tăng trưởng bền vững. Đến tháng 9- 2006, Ủy ban Bảo vệ môi trường quốc gia và Tổng cục thống kê ấn hành “Báo cáo nghiên cứu đánh giá quốc gia xanh ở Trung Quốc năm 2004” dựa trên kết quả tính toán do địa phương cung cấp và công bố chỉ số GDP xanh đầu tiên bao gồm những tổn thất về môi trường. Theo báo cáo này thì tổn thất kinh tế do suy thoái môi trường của Trung Quốc năm 2004 là 64 tỷ USD, chiếm 3,05% GDP và chi phí

để khắc phục ô nhiễm chiếm 1,8% GDP, tương đương 287,4 tỷ NDT, nhưng trên thực tế khoản chi dành cho việc xử lý rác và khắc phục ô nhiễm khoảng 190 tỷ NDT, thấp hơn nhiều so với nhu cầu.

Theo báo cáo này thì quy trình tính toán bao gồm 3 bước:

Bước 1: tính toán khối lượng ô nhiễm bao gồm khối lượng ô nhiễm được xử lý và khối lượng ô nhiễm được tạo ra với 3 loại ô nhiễm được tính đến là ô nhiễm không khí, nước và chất thải rắn

Bước 2: giá trị ô nhiễm quy đổi thành tiền gồm có:

- + Chi phí cho việc bảo vệ môi trường: chi phí xử lý môi trường bằng khối lượng ô nhiễm xử lý nhân với chi phí xử lý trên mỗi đơn vị ô nhiễm. Số liệu về khối lượng ô nhiễm đã có sẵn trong các thống kê, còn chỉ tiêu về môi trường cho mỗi đơn vị ô nhiễm có thể thu thập được từ số liệu điều tra.

- + Chi phí duy trì chất lượng môi trường bằng lượng chất thải tạo ra nhân với chi phí để duy trì chất lượng môi trường trên mỗi đơn vị.

- + Chi phí liên quan đến suy thoái môi trường: là khoản chi phí quan trọng và cũng là chỉ tiêu khó tính toán nhất thông tin được thu thập chủ yếu thông qua các cuộc điều tra về tổn thất do ô nhiễm.

Bước 3: GDP đã được điều chỉnh bởi yếu tố môi trường (EDP: environmental domestic product)

$$EDP = GDP - \text{chi phí duy trì chất lượng môi trường}$$

Tuy nhiên EDP này không phải là GDP xanh theo ý nghĩa thực của nó (vì thiếu chi phí liên quan đến tài nguyên). Mặc dù vậy, đây là phương pháp hữu ích và khả thi để có thể đưa những yếu tố cơ bản liên quan đến chi phí môi trường vào trong GDP, ngoài ra việc thực hiện tính toán này cũng là động lực để khuyến khích chính quyền địa phương quan tâm hơn đến yếu tố môi trường trong quá trình phát triển. Chiến lược GDP xanh này

cũng giúp Trung Quốc thực hiện mục tiêu tăng trưởng đi đôi với phát triển bền vững.

2.2. Kinh nghiệm của Úc

Việc xây dựng chỉ số này tại Úc (thực chất là GPI) bao gồm những yếu tố sau:

Những chiều hướng chính tác động đến sự thay đổi trong chất lượng sống của người dân Úc.

- Cấu trúc và sự tăng trưởng kinh tế.
- Môi trường.

Quy trình xây dựng này bao gồm bốn bước chính sau:

- Định nghĩa ba lĩnh vực cơ bản của phát triển (kinh tế, xã hội, môi trường).
- Tạo lập một danh sách các chiều hướng phát triển.
- Chọn một tập con của các chiều hướng mà chúng ta có thể xác định được các chỉ số.
- Chọn một hay nhiều chỉ số để thể hiện từng chiều hướng dưới dạng thống kê.

BẢNG 1: Các chỉ số đo lường của Úc năm 2004

Chiều hướng chính	Tiêu chí phát triển chính	Tiêu chí phát triển bổ sung
Sức khỏe	Tuổi thọ, kỳ vọng khi sinh	Tỷ lệ người sống đến 25, 50, 75 tuổi Tỷ suất của trẻ sơ sinh Người chết vì nguyên nhân có thể tránh được Tỷ lệ người bị ung thư Tỷ lệ người bị đột quỵ Chỉ tiêu bắt buộc cho bệnh tật
Giáo dục và đào tạo	Người trong độ tuổi 25-64 có bằng trung học chuyên nghiệp hay phổ thông trung học	Tỷ lệ người đi học từ 1-19 tuổi Tỷ lệ học lại ở năm thứ 7/8-12 tuổi Tỷ lệ đi học và mức độ tham gia của những người trong độ tuổi từ 15-64 tuổi Vốn con người
Công việc	Tỷ lệ thất nghiệp	Thất nghiệp trá hình Tỷ lệ người đang làm việc Tỷ lệ thất nghiệp dài hạn Tỷ lệ thất nghiệp trên tổng số dân
Thu nhập quốc gia	Thu nhập khả dụng ròng thực tế quốc gia theo đầu người	Tổng thu nhập quốc nội bình quân đầu người Tỷ lệ tiết kiệm quốc gia trên GDP
Khó khăn tài chính	Thu nhập thực tế khả dụng trung bình tương đương hàng tuần của hộ gia đình thuộc hạng 2 và 3 tình theo thu nhập	Số người đang chịu áp lực về nhà ở (khó khăn về tài chính để trả cho nhà ở)
Tài sản quốc gia	Tài sản quốc gia thực tế ròng tính theo đầu người	Tổng tài sản thực và nợ của quốc gia bình quân đầu người Tổng trữ lượng vốn ròng bình quân đầu người Tài nguyên kinh tế của quốc gia đã được phát hiện Nợ nước ngoài ròng thực tế Tổng tài sản cố định quốc gia bình quân đầu người Tổng giá trị tài sản hộ gia đình
Nhà cửa	Không có chỉ số chính	Không
Năng suất	Năng suất đa nhân tố	Năng suất lao động

		Chỉ cho đầu tư và phát triển Tỷ lệ người làm công tác chuyên gia trong tổng lao động Đầu tư cho phần mềm trên GDP Tỷ lệ doanh nghiệp có website hay trang chủ
Cảnh quan thiên nhiên	Các loài chim và động vật có vú đang bị đe dọa Diện tích đất bị hoang hóa hàng năm Nhiễm mặn, những tài sản trong khu vực bị ảnh hưởng cao Quản lý nguồn nước, những khu vực có tỷ lệ sử dụng vượt quá 70% sản lượng khai thác bền vững	Xu hướng phát triển các chủng loại có nguy cơ Động vật có vú bị tuyệt chủng Diện tích đất trong các khu bảo tồn Khu vực rừng nguyên thủy
Đại dương và các cửa sông	Không	Chỉ số về thực trạng các cửa sông Số lần tràn dầu
Các mối quan tâm quốc tế về môi trường	Tổng lượng khí thải nhà kính ròng	Khí thải nhà kính thoát ra Lượng khí CO ₂ đo được Lượng tiêu thụ các sản phẩm phá hủy tầng ozon
Gia đình, cộng đồng và sự đồng thuận xã hội	Không có chỉ số chính	Số trẻ và số vụ li dị Trẻ em trong gia đình mà cả bố và mẹ đều không có việc làm Công việc tình nguyện
Tội phạm	Nạn nhân của tội phạm cá nhân và tội phạm trong gia đình	Tỷ lệ người bị giết chết
Chính phủ, dân chủ và quyền công dân	Không có chỉ số chính	Tỷ lệ người sinh ra ở nước ngoài là công dân Úc Số người bỏ phiếu Số phụ nữ trong quốc hội

Nguồn: Hall 2005.

Trong các chỉ số trên, có một số chỉ số có thể không phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam nhưng nhìn chung, việc xây dựng các chỉ số này là tương đối phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới của Việt Nam và thế giới.

3. Việt Nam đối với chỉ số GDP xanh

3.1. Tại sao Việt Nam nên tiếp cận với chỉ số này?

Quá trình phát triển của Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc, nhất là từ sau quá trình cải cách, nền kinh tế Việt Nam đều đạt tăng trưởng cao trong vòng 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, cũng giống như Trung Quốc, sự phát triển của Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các

vấn đề như nguy cơ môi trường ngày càng trở nên suy thoái; tài nguyên thiên nhiên bị khai thác bừa bãi và ngày càng cạn kiệt; bất bình đẳng xã hội tăng... Những yếu tố này làm gia tăng áp lực cho nền kinh tế cũng như tạo ra áp lực cho xã hội.

Sau khi hoàn thành việc thực hiện chiến lược phát triển 10 năm (2001- 2010) thì vấn đề môi trường ở Việt Nam đang trở nên gay gắt, nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường dẫn tới phải chi một lượng ngân sách lớn (hàng chục tỷ đồng) cho việc xử lý do tình trạng trên gây ra. Đến năm 2010 tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom là 85% nhưng lại bất cập về phương pháp xử lý, đặc biệt là chất thải y tế.

BẢNG 2: Diễn biến đô thị hóa ở nước ta trong 1/4 thế kỷ qua và dự báo đến năm 2020

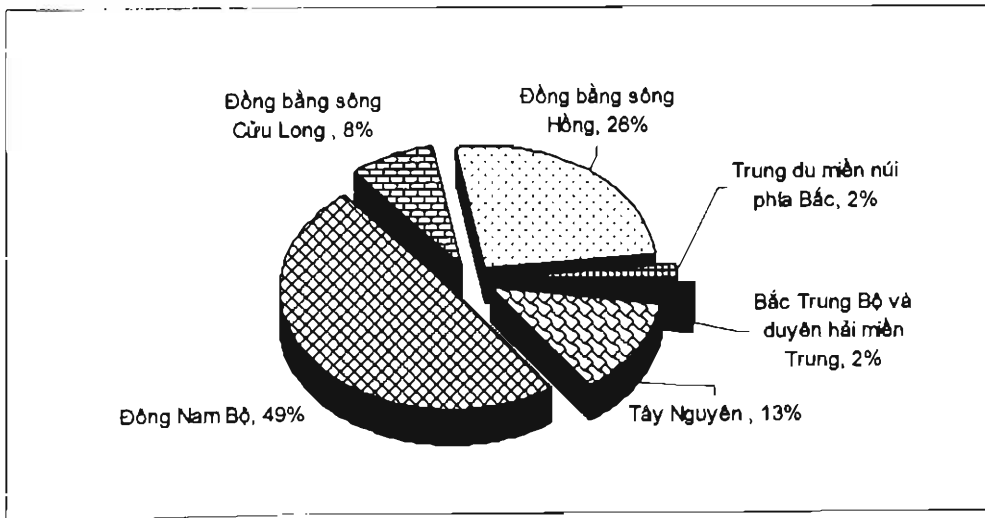
Năm	1986	1990	1995	2000	2003	2006	2009	Dự báo	
								2010	2020
Số lượng đô thị (từ loại V trở lên)	480	500	550	649	656	729	752		
Dân số đô thị (triệu người)	11,87	13,77	14,938	19,47	20,87	22,83	25,38	28,5	40,0
Tỷ lệ dân đô thị trên tổng dân số toàn quốc (%)	19,3	20,0	20,75	24,7	25,8	27,2	29,6	32,0	45,0

Nguồn: Niên giám thống kê quốc gia và thông tin từ Bộ Xây dựng.

Ngoài ra, việc thu gom, xử lý chất thải nói chung chủ yếu tập trung tại các bãi rác hoặc chôn lấp sơ sài gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước, đất và không khí, lượng chất thải rắn từ các khu công nghiệp hiện nay từ 25.000 đến 30.000 tấn/ngày đêm với lượng rác thải công nghiệp khoảng 20%, còn lại 80% từ ba vùng kinh tế trọng điểm. Việc xử lý nước thải ở khu công nghiệp mặc dù tỷ lệ các cơ sở ô nhiễm môi trường đã xử

lý triệt để khoảng 70%, tuy nhiên trong 154 khu công nghiệp được điều tra chỉ có 39 khu đã có trạm xử lý nước thải tập trung, 27 khu công nghiệp đang xây dựng, 27 khu mới có kế hoạch, còn lại 61 khu vẫn chưa có kế hoạch triển khai việc xử lý nước thải tập trung. Sự gia tăng nước thải trong khu công nghiệp là khá lớn với tốc độ gia tăng so với sự gia tăng tổng lượng nước thải từ các lĩnh vực trong toàn quốc.

ĐÔ THỊ: Ước tính tỷ lệ tổng lượng nước thải khu công nghiệp của 6 vùng kinh tế



Nguồn: Tổng cục Môi trường tổng hợp, 2009.

Thực trạng trên cho thấy Việt Nam cần phải cố gắng hơn nữa trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đối với việc kết hợp tăng trưởng kinh tế hợp lý. Việc đưa một chỉ tiêu vào để tính toán trong tăng trưởng trong điều kiện hiện nay là rất cần thiết. Các chi phí xã hội và môi trường được đưa vào tăng trưởng sẽ phản ánh tốt hơn

hiệu quả của tăng trưởng. Tuy nhiên việc xây dựng tính toán chỉ số GDP xanh lại không đơn giản, cần sự nỗ lực rất nhiều từ các phía khác nhau như nhà nghiên cứu, thống kê, quản lý... Mặc dù chỉ số này hoàn toàn chưa phải là hoàn hảo và nó lại còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác trong nền kinh tế, nhưng nó là một trong

những chỉ số sẽ giúp cho việc hướng nền kinh tế theo mô hình phát triển hiệu quả và bền vững hơn.

3.2. Một số nguyên nhân có thể tác động tới việc xây dựng chỉ số này tại Việt Nam

• Nguyên nhân khách quan:

+ Trên thế giới hiện nay, vẫn còn nhiều tranh cãi về việc định nghĩa GDP xanh, cách thiết lập chỉ tiêu đánh giá cũng như có nên đưa GDP xanh vào tính toán hay không.

+ Việc lựa chọn mô hình áp dụng, cũng như đưa các yếu tố vào đánh giá cũng rất khó khăn vì có nhiều yếu tố có mối quan hệ gắn kết với nhau như muốn tăng GDP thì nhiều nước phát triển công nghiệp, tạo nhiều việc làm cho người lao động nhưng gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khoẻ người dân và làm tăng chi phí y tế dẫn tới tăng GDP (do công nghiệp được phẩm phát triển, chi phí dịch vụ y tế tăng).

+ Việc tính toán GDP xanh tại nhiều quốc gia là khác nhau và chưa có sự thống nhất, nên rất khó để so sánh giữa các quốc gia với nhau, điều này cũng ảnh hưởng nhiều tới việc đưa chỉ số GDP xanh vào tính toán.

• Nguyên nhân chủ quan:

+ Đối với Việt Nam một nước đang phát triển thì tài nguyên đóng góp cho GDP khá lớn; ô nhiễm môi trường cao, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao dẫn tới khi tính GDP xanh thì tốc độ tăng trưởng của quốc gia sẽ giảm, ảnh hưởng đến cân đối vĩ mô và đây là một thách thức đối với Việt Nam khi muốn chuyển đổi sang một phương thức tính toán mới.

+ Ở Việt Nam, nhiều địa phương xem GDP như là một tiêu chí đánh giá hiệu quả của địa phương đó. Để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế thì nhiều địa phương chấp nhận hy sinh môi trường và việc đưa hệ thống mới vào có thể gây ảnh hưởng nhiều tới thành tích của địa phương.

Do vậy, để có thể đưa được chỉ số GDP “xanh” vào tính toán, điều cần là tạo được khung quy định về sử dụng tài nguyên và

chống ô nhiễm môi trường và thống nhất với quy định quốc tế, và có thể lượng hóa được những chỉ số sử dụng tài nguyên đồng thời với việc lượng hóa hoạt động làm ô nhiễm môi trường sinh thái.

Qua cách đánh giá về thực trạng cũng như các yếu tố khi xây dựng chỉ số GDP xanh này, một số giải pháp sau có thể giúp Việt Nam từng bước tiếp cận với chỉ số này:

Thứ nhất: các nhà kinh tế và thống kê cần lấy chỉ số GDP xanh làm thước đo tính toán cho sự tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững thông qua việc nghiên cứu và đánh giá tổng quát về chỉ tiêu môi trường tại cả nước, hay từng khu vực. Ngoài ra, nên đưa chỉ số này từng bước đến với các trường đại học như một môn học trong kinh tế, coi như là một trong những yếu tố được sử dụng cho việc đánh giá phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ hai: tăng cường đầu tư cho bảo vệ môi trường thông qua việc trích một phần ngân sách cũng như kết hợp với việc sử dụng vốn ODA, thúc đẩy việc thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ môi trường thông qua áp dụng các công cụ quản lý kinh tế trong quản lý môi trường. Đối với các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường thì phải đóng cửa; các doanh nghiệp nếu khó khăn về vốn thì Nhà nước có thể cho vay với lãi suất ưu đãi có thời hạn rõ ràng để xử lý hoặc có lộ trình thực hiện nó, nếu không thực hiện được thì phải đóng thuế bảo vệ môi trường.

Thứ ba: thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ công nghệ cao vào các doanh nghiệp, các dự án đầu tư sản xuất các trang thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, cũng như xây dựng các cơ chế khuyến khích hoạt động sản xuất với công nghệ sạch

Thứ tư: đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách thỏa đáng để hình thành đội ngũ các chuyên gia về môi trường để họ đủ tầm làm hạt nhân thực sự trong hoạt động bảo vệ cũng như tính toán các chi phí gây ra do ô nhiễm môi trường. Nhà nước nên tập trung đào tạo kỹ thuật đối với các ngành nghề về

môi trường trong các trường đại học; gửi các du học sinh đến các nước tiên tiến để học tập các công nghệ mới về môi trường...

Thứ năm: thúc đẩy việc xây dựng cơ chế thẩm định công nghệ môi trường quốc gia: xây dựng các cơ chế chính sách thẩm định, thành lập hội đồng chuyên gia (phải lựa chọn đúng chuyên gia, am hiểu chuyên môn, có tác phong làm việc khách quan, khoa học), lượng hóa đánh giá từng loại công nghệ theo các tiêu chí đưa ra phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Tóm lại, việc tính toán chỉ tiêu GDP xanh ở Việt Nam không chỉ thấy được vai trò của các nguồn lực và đóng góp chung của chúng đối với tăng trưởng, mà còn giúp Chính phủ nhận ra những chiều hướng thay đổi để đề ra những chính sách phù hợp. Mặc dù có thể việc tính toán này chưa thật chính xác, nhưng nó sẽ giúp cho người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức và đóng vai trò làm chủ thực sự đối với sự phát triển để từng bước có những hành xử tốt hơn, thân

thiện hơn với môi trường, với những gì mà mình đang có vì xét đến cùng thì mục tiêu cao nhất của phát triển là đem lại cuộc sống tốt đẹp cho con người hôm nay và mai sau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo của Tổng cục Môi trường quốc gia năm 2009 - Tổng cục môi trường - Bộ Tài nguyên môi trường:

1. Chuyên đề: GDP xanh thước đo chất lượng tăng trưởng bền vững. Trung tâm thông tin dự báo kinh tế xã hội quốc gia, 2006
2. Intergrated enviromental and economic accouting an optional annual - UN 2000
3. Intergrated enviromental and economic accouting 2003 -UN 2003
4. Hall, J., 2005, Beyond GDP: Measures of Economic, Social and Environmental Progress, Research Paper, Australian Bureau of Statistics, ABS Catalogue no. 1351.0.55.007
5. Wang, J. et al., 2006, A Study Report on China Environmental and Economic Accounting in 2004.